

KINH 200. LA HẦU LA (3)¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Lành thay, Thế Tôn! Xin vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp, một mình con ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, không buông lung. Sau khi sống một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, con sẽ tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử² cao bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, tu trì phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thực, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được³, nên hỏi La-hầu-la:

“Người đã từng truyền dạy năm thọ ẩm cho người chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Người nên vì người khác mà diễn nói năm thọ ẩm.”

Khi La-hầu-la nghe lời dạy của Phật rồi, sau đó vì người khác diễn nói về năm thọ ẩm. Nói xong trở lại chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn con đã vì người khác nói về năm thọ ẩm rồi, xin Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong rồi sẽ ở một mình chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung và cho đến... ‘... tự

1. Pāli, S. 35. 121. Rāhula.

2. Trong bản, tộc tánh tử ---m=l.

3. Trong bản Pāli (S. 35. 121), Phật nhận xét: paripakkā kho rāhulassa vimuttapariṇāmanā dhammā; yaṃ nūnāhaṃ rāhulaṃ uttarim āsavānaṃ khaye vineyyan ti, đối với Rāhula, các pháp cần thành thực đã được thành thực; vậy Ta hãy hướng dẫn Rāhula vào trong lậu tận vô thượng.

biết không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thực, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

“Người đã vì người khác nói về sáu nhập xứ chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Người nên vì người khác diễn nói về sáu nhập xứ.”

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại diễn nói sáu nhập xứ cho người khác nghe. Sau khi nói sáu nhập xứ xong, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con đã vì người khác mà diễn nói sáu nhập xứ rồi. Xin Đức Thế Tôn vì con mà nói pháp. Sau khi con nghe pháp xong sẽ ở một mình nơi vắng vẻ, chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến ... ‘... tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát chưa thuần thực, chưa có thể nhận lãnh pháp tăng thượng được, nên hỏi La-hầu-la:

“Người đã vì người khác nói pháp Ni-đà-na⁴ chưa?”

La-hầu-la bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, chưa.”

Phật bảo La-hầu-la:

“Người nên vì người khác mà diễn nói pháp Ni-đà-na đi.”

Rồi, vào một lúc khác, La-hầu-la lại vì người khác nói đầy đủ pháp Ni-đà-na xong, đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân, rồi đứng lui sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn vì con mà nói pháp, sau khi con nghe pháp xong, sẽ ở một mình nơi chỗ vắng chuyên tinh suy nghĩ, sống không buông lung, cho đến ... ‘... tự biết không còn tái sinh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát vẫn chưa thuần thực, cho đến... bảo La-hầu-la:

4. Ni-đà-na ——— . Pāli: nidāna, nhân duyên, hay nguyên nhân, mối quan hệ, hay nguồn gốc phát sanh của một cái gì.

“Người nên đối với những pháp đã nói ở trên, ở một mình nơi vắng vẻ chuyên tinh suy nghĩ, mà quán sát nghĩa lý của chúng.”

Bấy giờ, La-hầu-la vâng lời Phật dạy, như pháp đã nói, như pháp đã được nghe, suy nghĩ cân nhắc, quán sát nghĩa lý của chúng, tự nghĩ: “Các pháp này, tất cả đều thuận hưởng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ⁵ Niết-bàn.

Rồi, một lúc khác, La-hầu-la đi đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi lui đứng sang một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đối với pháp đã được nói, pháp con đã được nghe như trên, con đã ở một mình nơi vắng vẻ, tư duy cân nhắc và quán sát nghĩa lý của chúng, thì biết những pháp này tất cả đều thuận hưởng Niết-bàn, lưu nhập Niết-bàn, cuối cùng an trụ Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xét thấy tâm của La-hầu-la tuệ giải thoát đã được thuần thực, có thể nhận lãnh được pháp tăng thượng, nên bảo La-hầu-la⁶:

“Tất cả đều vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc v.v... đều vô thường (*chi tiết như các kinh trước*).”

Tôn giả La-hầu-la sau khi nghe những gì Phật nói, hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau khi La-hầu-la đã vâng theo lời Phật dạy rồi, một mình ở nơi vắng vẻ, sống không buông lung, chuyên tinh tư duy về mục đích mà một thiện gia nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không gia đình, chuyên tu phạm hạnh cho đến... ngay trong đời này, tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’ Thành bậc A-la-hán, tâm khéo giải thoát.

Phật nói kinh này xong, La-hầu-la nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

⁵. Nguyên bản: hậu trụ ———FẤn Thuận sửa lại tuấn thâu —C——Rchảy rót vào.

⁶. Xem cht.53 trên.

KINH 201. LẬU TẬN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận?”⁸

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

“Hãy quán sát chân chánh về vô thường. Những pháp nào là vô thường? Mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý hãy quán sát là vô thường. Pháp, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, tất cả chúng cũng đều là vô thường. Nay Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy thì để lần lượt nhanh chóng chứng đắc lậu tận.”

Khi Tỳ-kheo kia đã nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

M

Như kinh Đức Phật đã dạy cho Tỳ-kheo trên, nhưng có điểm sai biệt ở chỗ:

- Biết thế nào, thấy thế nào, để lần lượt dứt sạch các kết sử⁹,
- Đoạn trừ tất cả những hệ phược¹⁰,
- Đoạn trừ tất cả những sử¹¹,
- Đoạn trừ tất cả những tùy phiền não¹²,
- Đoạn trừ tất cả những kết¹³,

7. Pāli, S. 35. 53-59. Avijjā v.v...

8. Pāli, S. 35. 56: āsāva pahīyanānti, các lậu bị đoạn trừ.

9. Pāli, S. 35. 54. Saṃyojana-pahānaṃ, đoạn trừ kết sử.

10. Pāli, S. 35. 55. Saṃyojana-samugghātaṃ, đoạn triệt kết sử.

11. Sử —A hay tùy miên —H—v—FPāli: anusaya.

12. Tùy phiền não, —H—o, nguyên Hán: thượng phiền não—W—o. Pāli: upakilesa.

- Đoạn trừ những lưu¹⁴,
- Đoạn trừ những ách¹⁵,
- Đoạn trừ những thủ¹⁶,
- Đoạn trừ những xúc,
- Những ngăn che (cái) được đoạn trừ,
- Đoạn trừ các triền phược,
- Đoạn trừ những cấu uế,
- Đoạn trừ những ái,
- Đoạn trừ những ý,
- Đoạn trừ những tà kiến, sanh chánh kiến,
- Đoạn trừ vô minh sanh minh. (...)

“Này Tỳ-kheo, quán sát mắt là vô thường như vậy, cho đến... biết như vậy, thấy như vậy lần lượt vô minh được đoạn trừ để sanh ra minh.”

Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy rồi vui mừng, làm lễ mà lui.

M

KINH 202. NGÃ KIẾN ĐOẠN¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-

-
- ¹³. Kết, —, đây chỉ bốn phược hay bốn thân hệ; *Trường A-hàm*, kinh 9, *Tập Dị Môn Túc Luận*: tham thân hệ, sân thân hệ, giới cấm thủ thân hệ (ràng buộc với thân), thủ thật chấp thủ thân hệ (chấp thủ cái này là có thật); D. 33. Saṅgīti: cattāro ganthā, abhijjhā-kāya-gaṇho, vyāpādo kāya-gaṇho, sīlabbata-parāmaṣo kāyagaṇho, idaṃcābhīniveso kāyagaṇho.
- ¹⁴. Chư lưu —y—Acó lẽ chỉ bốn bậc lưu (dòng xoáy), *Trường A-hàm* kinh 9: “*Chúng tập*”: dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu. Pāli, D. 33. Saṅgīti: cattāro oghā, kāmogho bhavogho diṭṭhogho avijjogho.
- ¹⁵. Có bốn ách: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách. Pāli: cattāro yogā, kāma-yogo, bhava-yogo, diṭṭhi-yogo, avijjā-yogo.
- ¹⁶. Bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Pāli: cattāri upādānāni, kāmūpādānaṃ, diṭṭhūpādānaṃ, sīlabbatūpādānaṃ, attavādūpādānaṃ.
- ¹⁷. Pāli, S. 35. 166. Attano.

vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh?”

Phật bảo Tỳ-kheo kia:

“Đối với mắt mà chánh quán vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã. Cũng vậy, cho đến, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, kia cũng chánh quán là vô ngã.

“Này Tỳ-kheo, biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt ngã kiến được đoạn trừ, vô ngã kiến phát sanh. Khi Tỳ-kheo kia nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng làm lễ mà lui.

M

KINH 203. NĂNG ĐOẠN NHẤT PHÁP¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la¹⁹ tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, đoạn trừ được một pháp, thì sẽ đạt được chánh trí²⁰ và có thể tự tuyên bố: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là căn bản của pháp, là con mắt của pháp, là sở y của pháp. Cúi xin diển nói. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ vâng theo lời chỉ dạy mà thực hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà nói.

¹⁸. Có thể đoạn một pháp. Pāli, S. 35. 79-80: Avijjāpahāna.

¹⁹. Kỳ-bà Câu-ma-la được sư ---C-----v. Pāli: Jīvaka-Komāra-bhaccambavana, vườn xoài của nhi khoa y sư Jīvaka.

²⁰. Pāli: atthi... eko dhammo yassa pahānā bhikkhuno avijjā pahīyati, có một pháp mà Tỳ-kheo nào đoạn trừ, vô minh bị đoạn trừ.

“Này các Tỳ-kheo, thế nào là đoạn trừ một pháp cho đến... không còn tái sinh đời sau nữa? Đó là vô minh, ly dục, minh phát sanh, đạt được chánh trí và có thể tự tuyên bố: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa’.”

Lúc ấy có Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trịch áo vai hữu, đánh lễ Phật, gối phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, biết thế nào, thấy thế nào để vô minh ly dục, minh phát sanh?”²¹

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy quán sát chân chánh mắt là vô thường. Sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy quán sát là vô thường. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy. Tỳ-kheo nào biết như vậy, thấy như vậy đối với vô minh ly dục, minh phát sanh.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 204. NHƯ THẬT TRI KIẾN²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la²³ tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Đối với mắt, hãy biết như thật, thấy như thật. Hoặc sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc, hãy biết như thật, thấy như thật. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Khi đã biết như thật về chúng, đã thấy như thật về chúng rồi, đối với mắt sanh ra nhàm tởm. Đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi

²¹. Pāli, S. 35. 79: avijjā pahīyati, vijjā uppajjati, vô minh bị đoạn trừ, minh sinh khởi. Bản Hán đọc là: avijjāvirago, ly tham đối với vô minh.

²². Xem kinh 203 trên.

²³. Xem cht.69, kinh 203.

nhân duyên là nhãn xúc, cũng sanh ra nhàm tởm. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Do nhàm tởm mà không ái lạc. Do không ái lạc mà được giải thoát, giải thoát tri kiến: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 205. ƯU-ĐÀ-NA²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la²⁵ tại Tỳ-xá-ly. Bảy giờ Đức Thế Tôn nói những bài kệ Ưu-đà-na rồi, bảo Tôn giả A-nan:

“Mắt là vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân²⁶; sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc; chúng cũng vô thường, khổ, là pháp biến dịch, dễ phân. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đa văn Thánh đệ tử nên quán sát như vậy, đối với mắt sẽ được giải thoát; đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc cũng được giải thoát. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp, ý, ý thức, ý xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là ý xúc, cũng sẽ được giải thoát. Ta bảo người này sẽ giải thoát được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

²⁴. Pāli: udāna, cảm hưởng, tự thuyết.

²⁵. Xem cht.69, kinh 203.

²⁶. Dị phân ——. Pāli: aññathābhāvi (biến thái).

KINH 206. NHƯ THẬT TRI²⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly²⁸. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy chuyên cần phương tiện thiện tư²⁹ để được nội tâm tịch tĩnh. Vì sao? Nay các Tỳ-kheo, do phương tiện thiện tư, được nội tâm tịch tĩnh, nên tri kiến như thật, như vậy được hiển hiện³⁰. Hiển hiện như thật tri về cái gì? Hiển hiện như thật tri đối với mắt. Hiển hiện như thật tri đối với sắc, nhãn thức, nhãn xúc, cảm thọ với khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ, phát sanh bởi nhân duyên là nhãn xúc. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Các pháp này là vô thường, hữu vi cũng được hiển hiện như thật tri như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH 207. TAM-MA-ĐỀ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Am-la của thầy thuốc Kỳ-bà Câu-ma-la tại Tỳ-xá-ly³². Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ. Vì sao? Vì do tu tập vô lượng Tam-ma-đề, chuyên cần tập trung ý nghĩ mà được như thật hiển hiện³³. Như thật hiển hiện cái

27. Pāli, S. 35. 160. Jīvakambavane; 35. 100. Paṭisallānā.

28. Trong bản Pāli, khu vườn này tại thành Vương xá: Rājagahe... Jīvakambavane.

29. Phương tiện thiện tư, ---K-I---A chuyên cần tu tập ở nơi thanh vắng, chuyên tâm tu tập trầm tư mặc tưởng. Pāli: paṭisallāne bhikkhave yogam āpajjatha.

30. Như thật tri hiển hiện -p-----{ . Pāli: yathābhūtaṃ pakkhayati, được hiển hiện một cách trung thực (như thực).

31. Pāli, S. 35. 159. Jīvakambavane; 35. 99. Samādhī.

32. Xem cht.69, kinh 203.

33. Pāli: samāhito bhikkhave bhikkhu yathābhūtaṃ pajānāti, Tỳ-kheo tập trung tư tưởng, thì nhận thức một cách như thật.

gì? Như thật hiển hiện đối với mắt.”

Chi tiết như trên... cho đến:

“Các pháp này là vô thường, hữu vi, cũng được hiển hiện như thật như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M